TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày 29 - 11- 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy

Bà Đồng Thị Thường

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Tình- Thư ký, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2019/TLST- DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về " Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXX ST- DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST- DS ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thu H; địa chỉ: Số.. Chi L, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Luân Thị N, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số .. Chi L, phường Nguyễn T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương *(giấy ủy quyền ngày 05 tháng 8 năm 2019);* có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lương Thị Bích L; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết, ngày 01 tháng 09 năm 2018 bà có cho bà Lương Thị Bích L có vay số tiền 72.000.000đồng, số tiền trên hai bên thỏa thuận vay không có thời hạn, không lãi suất, mục đích vay để kinh doanh buôn bán. Đến

ngày 01 tháng 11 năm 2018 bà tiếp tục cho bà L vay thêm số tiền 49.000.000đồng cũng không có lãi suất, hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán vào ngày 01 tháng 2 năm 2019. Cả hai lần vay trên hai bên có lập Hợp đồng vay tiền có chữ ký của chị Lương Thị Bích L xác nhận. Sau khi ký hai Hợp đồng nói trên bà đã giao tiền đầy đủ cho bà L. Đến ngày 01 tháng 4 năm 2019 bà L đã lập bản cam kết có nội dung bà L có vay của bà tổng số tiền 121.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 01 tháng 09 năm 2018 và hợp đồng vay tiền ngày 01 tháng 11 năm 2018. Tại bản cam kết này bà L cam kết sẽ trả cho bà số tiền trên vào ngày 07 tháng 4 năm 2019. Tuy nhiên, quá thời hạn trên bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên theo cam kết của bà L, bà đã thông báo cho bà L nhiều lần nhưng bà L không hợp tác. Để đảm bảo quyền lợi, bà đề nghị Tòa án buộc bà Lương Thị Bích L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà với tổng số tiền của hai Hợp đồng vay tài sản là 121.000.000đ(một trăm hai mươi mốt triệu đồng) và khoản tiền lãi theo mức lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 08 tháng 4 năm 2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án là 7.790.411đồng. Ngoài ra bà không có yên cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Đối với bà Lương Thị Bích L, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà L đến Tòa án để trình bày về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu H đối với bà Lương Thị Bích L. Tuy nhiên bà L đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm trình bày về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu H.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Qua quan điểm phát biểu, Kiểm sát viên đánh giá: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành các quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã vi phạm các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ do đương sự cung cấp, các chứng cứ do Tòa án thu thập đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26, 70, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 280, 278, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu H, buộc bà Lương Thị Bích L phải trả lại cho bà Lê Thu H số tiền nợ gốc 121.000.000đồng và khoản tiền lãi, theo mức lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 08 tháng 4 năm 2019 đến ngày xét xử vụ án.

Về án phí: Buộc Lương Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà Lê Thu H được chấp nhận, trả lại cho bà Lê Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thu H có đơn khởi kiện bị đơn bà Lương Thị Bích L yêu cầu thanh toán số tiền đã vay theo Hợp đồng hai bên đã ký. Như vậy, xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp Hợp đồng dân sự, theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Lương Thị Bích L có địa chỉ tại xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại các điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc vắng mặt của bị đơn bà Lương Thị Bích L: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng tống đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Lương Thị Bích L nhưng tại phiên tòa lần hai bà L tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lương Thị Bích L.

[4] Xét về Hợp đồng vay tiền giữa bà Lê Thu H và bà Lương Thị Bích L:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lương Thị Bích L không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu H. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, lời khai của đương sự có đủ cơ sở xác định bà Lương Thị Bích L có vay của bà Lê Thu H tổng số tiền 121.000.000đồng theo hai Hợp đồng vay tiền ngày 01 tháng 09 năm 2018 bà H cho bà Lương Thị Bích L vay số tiền 72.000.000đồng, hai bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán và ngày 01 tháng 11 năm 2018 bà H tiếp tục cho bà L vay thêm số tiền 49.000.000đồng hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán vào ngày 01 tháng 2 năm 2019. Cả hai Hợp đồng hai bên không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 01 tháng 4 năm 2019 bà L đã lập bản cam kết có nội dung bà L có vay của bà H số tiền 121.000.000đồng theo hai Hợp đồng vay tiền ngày 01 tháng 09 năm 2018 và ngày 01 tháng 11 năm 2018, bà L cam kết sẽ có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền trên vào ngày 07 tháng 4 năm 2019. Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên không có ý kiến, thay đổi gì về nội dung hợp đồng.

Như vậy, xác định hợp đồng trên đã được các bên thống nhất thỏa thuận, ký kết. Về hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội là hợp đồng hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên buộc các bên phải thực hiện.

[5] Xét về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu H đối với bà Lương Thị Bích L về số tiền nợ gốc và lãi:

Đối với yêu cầu về khoản nợ gốc: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp xác định bà Lê Thu H đã cho bà Lương Thị Bích L vay số tiền nợ gốc là 121.000.000đồng theo hai Hợp đồng vay tiền ngày ngày 01 tháng 09 năm 2018 và ngày 01 tháng 11 năm 2018. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà L đến Tòa án để trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của bà H

nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do, không có quan điểm trình bày về yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà L. Như vậy, bà L đã từ bỏ quyền lợi của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của bà Hiền để xem xét giải quyết. Căn cứ vào lời khai và các chứng cứ do bà Hiền cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện đòi lại khoản tiền gốc bà H đã cho bà L vay là có căn cứ. Vì vậy, buộc bà Lương Thị Bích L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thu H toàn bộ số tiền nợ gốc nói trên.

Về yêu cầu khoản lãi: Theo nội dung của hai Hợp đồng vay tiền ngày 01 tháng 09 năm 2018 và ngày 01 tháng 11 năm 2018, hai bên không thỏa thuận về khoản tiền lãi suất. Ngày 01 tháng 4 năm 2019 bà L đã lập bản cam kết đến ngày 07 tháng 04 năm 2019 bà L sẽ thanh toán hết số tiền nợ cho bà H. Tuy nhiên, bà L đã vi phạm cam kết giữa hai bên vì vậy yêu cầu của bà H về việc buộc bà L phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi trên số tiền gốc đã vay của hai Hợp đồng tính từ ngày 08 tháng 4 năm 2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án ngày 29 tháng 11 năm 2019 theo mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bà Lương Thị Bích L phải trả cho bà Lê Thu H số tiền lãi là: (121.000.000đồng x 235 ngày x 10%/ năm) : 365 ngày = 7.790.411đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà Lương Thị Bích L phải trả cho bà Lê Thu H cả gốc và lãi là 121.000.000đồng + 7.790.411đồng = 128.790.411đồng.

[6] Về án phí: Bà Lương Thị Bích L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà Lê Thu H được chấp nhận. Trả lại cho bà Lê Thu H số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 278, 280, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ vào Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu H đối với bà Lương Thị Bích L. Buộc bà Lương Thị Bích L phải trả cho bà Lê Thu H số tiền 128.790.411đồng. Trong đó số tiền nợ gốc là 121.000.000đồng, nợ lãi 7.790.411đồng.

Bà Lê Thu H được nhận số tiền 128.790.411đồng do bà Lương Thị Bích L trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hánh án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bà Lương Thị Bích L phải nộp 6.439.520đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bà Lê Thu H số tiền 3.025.000đồng tạm ứng án phí dân sự bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương (Biên lai thu tiền số 0004379 ngày 29 tháng 7 năm 2019).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo Bản án: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương